TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 18 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2022/TLST-DS ngày 01/9/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 16/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ
Địa chỉ: Số 130 X, phường 3, quận P, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T– Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Nguyễn Khánh H – nhân viên phát triển kinh doanh – Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Ninh Thuận (theo Quyết định ủy quyền số 110/QĐUQ-NTN ngày 15/12/2021) (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á - Chi nhánh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) có ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ số: 0124420401T15009 ngày 13/02/2015. Theo đó, Ngân hàng Đ có cho bà Nguyễn Thị Hồng P vay vốn: 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), lãi suất cho vay 13%/ năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay 12

tháng (từ 13/02/2015 đến ngày 13/02/2016); Mục đích vay: Buôn bán; Phương thức thanh toán: Trả gốc lãi hàng tháng. Số tiền hàng tháng bà Nguyễn Thị Hồng P phải thanh toán cả gốc, lãi là 945.000đ/tháng; biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng Đ thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Hồng P không thanh toán được tiền lãi và vốn cho Ngân hàng theo đúng Hợp đồng vay vốn đã ký kết. Tính đến ngày 22/01/2018, bà Nguyễn Thị Hồng P chỉ trả được số tiền 4.432.000 đồng (gồm nợ gốc 3.132.000 đồng và lãi trong hạn 1.300.000 đồng);

Sau đó bà Nguyễn Thị Hồng P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ. Ngân hàng Đ đã nhiều lần đôn đốc và làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị Hồng P nhưng bà P không tiếp tục trả nợ, do vậy dư nợ gốc 6.868.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 14/02/2016. Tính đến ngày 18/01/2022 bà P còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền 15.233.586 đồng, trong đó: Nợ gốc 6.868.000đ; Lãi quá hạn 8.365.586 đồng. Ngân hàng Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 19/01/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ số: 0124420401T15009 ngày 13/02/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật lố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 0124420401T15009 ngày 13/02/2015. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo

khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 1, phường Mỹ Đông, TP. Phan Rang - Tháp Chàm. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang -Tháp Chàm đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Hồng P tại khu phố 1, phường M, thành phố P và xác định bà Nguyễn Thị Hồng P không còn sinh sống tại địa phương nhưng vẫn còn hộ khẩu thường trú tại đây. Khi đi bà P không thông báo về nơi cư trú mới cho địa phương, không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới. Do vậy, đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ –HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Địa chỉ khu phố 1, phường M được coi là nơi cư trú cuối cùng của bà P, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm căn cứ vào Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hồng P tại địa chỉ khu phố 1, phường M, thành phố P.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á đối với bà Nguyễn Thị Hồng P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ có xác nhận của Hội Liên hiệp phụ nữ phường M; phiếu chuyển khoản tiền vay và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ của bà Nguyễn Thị Hồng P; Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 13/02/2015 bà Nguyễn Thị Hồng P vay của Ngân hàng Đ số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay buôn bán; lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 945.000 đồng (trả gốc và lãi). Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ số : 0124420401T15009 ngày 13/02/2015 được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc, lãi tiền vay:

Tính đến ngày 18/01/2022 bà P đã trả được 3.132.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Đến hạn trả nợ bà Phú không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Mục 3 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày 14/02/2016, Ngân hàng Đ đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Mục 3 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng dụng năm 2010. Tính đến ngày 18/01/2022, bà Nguyễn Thị Hồng P còn nợ Ngân hàng Đ số tiền: 15.233.586 đồng, trong đó tiền gốc: 6.868.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 8.365.586 đồng.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 15.233.586 đồng *(Mười lăm triệu hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng)*, trong đó tiền gốc: 6.868.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng)*, tiền lãi quá hạn: 8.365.586 đồng *(Tám triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng)*.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Hồng P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 761.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 359.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0026008

ngày 27/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Hoàng Liên

Trần Văn Bình

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga